

Bài 39 BẢNG NHÂN 2 (2 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

Kiến thức, kĩ năng

- Hình thành được bảng nhân 2, biết đếm thêm 2 (cách đều 2).
- Vận dụng vào tính nhẩm, giải bài tập, bài toán thực tế liên quan đến bảng nhân 2.

Phát triển năng lực

Qua hoạt động khám phá kiến thức mới, giải các bài tập, bài toán có tình huống thực tế, HS phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

II CHUẨN BỊ

GV nên chuẩn bị hình phóng to bảng nhân 2 hoặc chiếu lên bảng.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Lưu ý chung: Ở mỗi tiết học của bài học, GV nên tổ chức dạy học theo các bước:

Khởi động → Thực hiện hình thức dạy học phù hợp → Củng cố

Tiết 1. Bảng nhân 2

Yêu cầu chủ yếu tiết học: Giúp HS hình thành được bảng nhân 2, vận dụng vào tính nhẩm và giải các bài toán liên quan đến bảng nhân 2.

147

Bài 3: Yêu cầu từ bảng nhân 2, tính nhẩm, rồi lựa chọn tìm được phép nhân thích hợp, chẳng hạn: $2 \times 7 = 14$; $2 \times 8 = 16$.

Bài 4: Yêu cầu HS giải bài toán có lời văn. Biết phân tích đề bài (cho biết gì, hỏi gì?), chọn phép tính đúng, rồi trình bày bài giải. Chẳng hạn:

a)	<i>Bài giải</i>	b)	<i>Bài giải</i>
	Số càng của 5 con cua là:		Số càng của 7 con cua là:
	$2 \times 5 = 10$ (cái càng)		$2 \times 7 = 14$ (cái càng)
	<i>Đáp số:</i> 10 cái càng.		<i>Đáp số:</i> 14 cái càng.

HS có thể dựa vào bài giải gợi ý rồi nêu, viết số thích hợp vào ô có dấu “?” để có bài giải hoàn chỉnh.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

1. Khám phá

a) Qua hình ảnh trực quan là các tấm thẻ, dựa vào nội dung các bóng nói và ý nghĩa của phép nhân (chuyển phép nhân thành phép cộng các số hạng bằng nhau để tính), GV giới thiệu các phép nhân $2 \times 1 = 2$ (thừa nhận); $2 \times 2 = 4$ và $2 \times 3 = 6$ (dựa vào ý nghĩa của phép nhân).

b) Từ nhận xét “Thêm 2 vào kết quả của 2×2 ta được kết quả của 2×3 ”, GV giúp HS hình thành các phép nhân còn thiếu trong bảng bằng cách thêm 2 vào kết quả của phép nhân trước nó.

Sau khi hoàn thành bảng, GV cho HS nhận xét cách viết và cách đọc bảng nhân 2 (như cách đọc nêu ở bóng nói, viết số 2 đứng trước ở mỗi dòng $2 \times 1, 2 \times 2, \dots, 2 \times 10$).

2. Hoạt động

Bài 1: Yêu cầu HS tính nhằm các phép tính (dựa vào bảng nhân 2).

- GV có thể lồng ghép vào câu chuyện vui, chẳng hạn sóc đi nhặt hạt dẻ, để gây hứng thú học tập cho HS.
- GV có thể nêu các ví dụ hoặc bài toán khác để HS củng cố và thuộc bảng nhân 2 (nếu có điều kiện).

Bài 2: Yêu cầu HS dựa vào bảng nhân 2, viết được các tích còn thiếu vào ô có dấu “?” ($2 \times 3 = 6, 2 \times 5 = 10, 2 \times 7 = 14, 2 \times 4 = 8, 2 \times 6 = 12, 2 \times 8 = 16$).

GV có thể thay đổi các thừa số ở dòng thứ hai trong bảng để HS tự tìm được tích tương ứng.

Lưu ý: Kết thúc tiết học, GV cho HS củng cố bài học (như yêu cầu đã nêu ở đầu tiết học).

Tiết 2. Luyện tập

Yêu cầu chủ yếu của tiết học: Củng cố bảng nhân 2; vận dụng tính nhằm, biết đếm cách đều 2; vận dụng vào giải bài toán thực tế.

Bài 1:

- Câu a: Yêu cầu dựa vào bảng nhân 2, HS tính nhằm rồi nêu, viết kết quả vào ô có dấu “?”.
- Câu b: Yêu cầu HS tính nhằm, viết kết quả tính vào ô có dấu “?”.
- Tùy điều kiện, GV có thể cho thêm các ví dụ khác để HS tự làm.

Bài 2: Yêu cầu HS biết đếm thêm 2 (cách đều 2), chẳng hạn: 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20 (đây cũng là các tích trong bảng nhân 2), rồi nêu, viết số còn thiếu trong dãy số.

GV có thể cho HS đếm cách đều 2 theo chiều ngược lại: 20, 18, ..., 4, 2; hoặc mở rộng đếm cách đều 2 cho dãy số sau: 1, 3, 5, 7, 9, 11, 13, 15, 17, 19.